BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Căn cứ công văn số 6991/UBCK-GSĐC ngày 25/11/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

I. CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702053837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 05/08/2020
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1, Khu Cao Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 033 86221 Fax: 033 3863945
- Website: http://www.thancaoson.com.vn/
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020: 428.467.730.000 đồng *(bốn trăm hai mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*

II. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ và tên: **Ông Doãn Mạnh Hà**
- Chức vụ: **Thư ký Công ty**
- Điện thoại: 091 233 0997

Hà Nội, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG 4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 4
2. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV 7
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV 7
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của CTCP Than Cao Sơn – TKV; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của CTCP Than Cao Sơn – TKV 11
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP Than Cao Sơn – TKV, những công ty mà CTCP Than Cao Sơn – TKV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Than Cao Sơn – TKV 12
6. Hoạt động kinh doanh 13
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất 14
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành 15
9. Chính sách đối với người lao động 18
10. Chính sách cổ tức 19
11. Tình hình tài chính 19
12. Tài sản của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV tại thời điểm 31/12/2020 22
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 23
14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện: 24
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 24
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có. 25
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY 25
1. Hội đồng Quản trị 25
2. Ban Kiểm Soát 32
3. Ban Giám đốc 39
4. Kế toán trưởng 48
5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty 49
6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ 49
III. PHỤ LỤC 61
IV. CAM KẾT 61

CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản thông tin tóm tắt này, các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản thông tin tóm tắt này có nội dung như sau:

Than Cao Sơn	:	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin
Than Tây Nam Đá Mài	:	Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin
Công ty	:	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV
BVSC	:	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DN	:	Doanh nghiệp
KH&CN	:	Khoa học và công nghệ
Giấy CN ĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTLKCK	:	Trung tâm Lưu ký chứng khoán
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
KTT	:	Kế toán trưởng
DTT	:	Doanh thu thuần
DT	:	Doanh thu
TTS	:	Tổng Tài sản
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VĐL	:	Vốn điều lệ
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
ĐKGD	:	Đăng ký giao dịch

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV hiện nay là công ty con của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV). Tiền thân của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV là hợp nhất 2 đơn vị con của TKV là Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin theo Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020. Ngày 05/08/2020, Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV được hợp nhất theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 137/GCN-UBCK ngày 10/07/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện hợp nhất Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin. Sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty Hợp nhất.

Thông tin chung về Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV:

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN – TKV
Tên tiếng Anh	:	CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ	:	Tổ 1, Khu Cao Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký	:	428.467.730.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	428.467.730.000 đồng
Ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng	:	Ngày 05/08/2020, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng. Ngày 25/11/2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6991/UBCK-GSĐC ngày 25/11/2020
Giấy CNĐKKD số	:	5702053837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/08/2020
Ngành nghề kinh doanh	:	

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
0520	Khai thác và thu gom than non

4912	Vận tải hàng hóa đường sắt
2211	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
0510 (Chính)	**Khai thác và thu gom than cứng**
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4312	Chuẩn bị mặt bằng
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4311	Phá dỡ
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
3512	Truyền tải và phân phối điện
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3319	Sửa chữa thiết bị khác
3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

1.2. Giới thiệu về cổ phiếu đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: CST
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 42.846.773 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc của tổ chức Đăng ký giao dịch: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: tuân theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 50%.
- Tại thời điểm ngày 26/03/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV là 1.849.558 cổ phần (tương ứng 4,32% vốn điều lệ).

1.3. Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty:

Từ khi thành lập (05/08/2020) Công ty chưa tăng vốn.

1.4. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: 05/08/2020
- Ngày Công ty được chấp thuận đăng ký đại chúng với UBCKNN: 25/11/2020 (*văn bản số 6991/UBCK-GSĐC ngày 25/11/2020 của UBCKNN)*
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng bao gồm:
  + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 4.316 cổ đông
  + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 14.936.966 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 34,86%).

2. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV

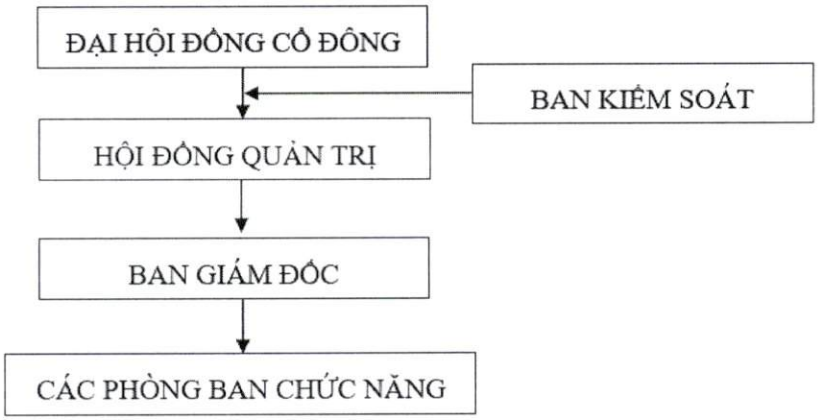

Cơ cấu tổ chức CTCP Than Cao Sơn – TKV

Nguồn: CTCP Than Cao Sơn – TKV

Cơ cấu tổ chức của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức của doanh nghiệp.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV

Cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Than Cao Sơn – TKV

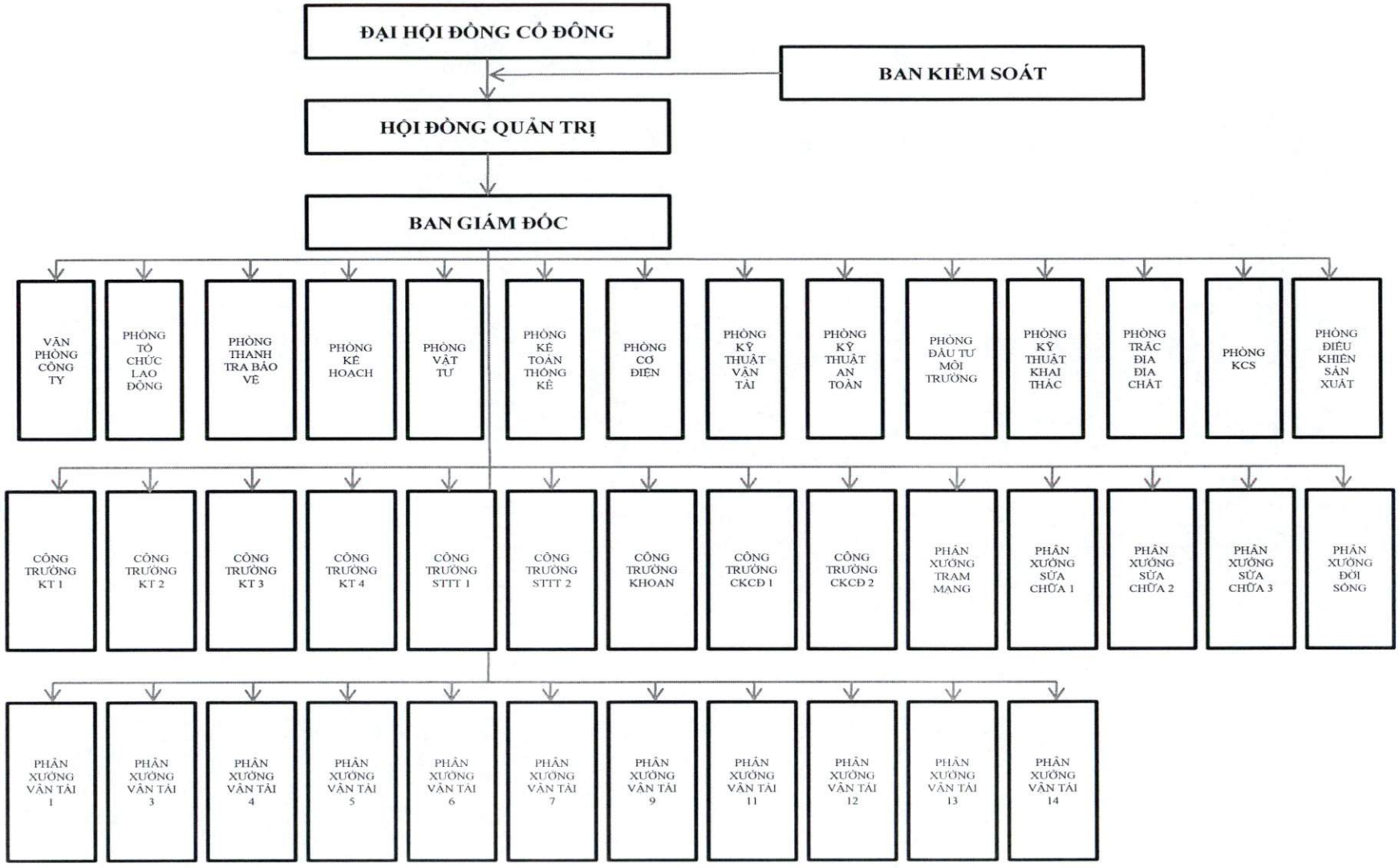

Nguồn: CTCP Than Cao Sơn – TKV

Diễn giải cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua kết hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, của Hội đồng Quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bầu ra và bãi nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng nặm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, diều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng Quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất của Công ty, Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng của Công ty

Các phòng ban chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp cho Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp,

các quy định của Công ty, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của CTCP Than Cao Sơn – TKV; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của CTCP Than Cao Sơn – TKV

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/03/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
I	Trong nước	4.041	40.997.215	95,68%
1	*Nhà nước*	*01*	27.909.807	65,14%
2	*Tổ chức*	*07*	*128.913*	*0,3%*
3	*Cá nhân*	*4.033*	*12.958.495*	*30,24%*
II	Nước ngoài	42	1.849.558	4,32%
1	*Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ*	*8*	*1.463.699*	*3,42%*
2	*Cá nhân*	*34*	*385.859*	*0,90%*
	Tổng cộng	**4.083**	**42.846.773**	**100%**
	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
I	Cổ đông lớn	01	27.909.807	65,14%
II	Cổ đông khác	**4.082**	14.936.966	34,86%
	Tổng cộng	**4.083**	**42.846.773**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Than Cao Sơn - TKV chốt tại ngày 26/03/2021)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Tính đến thời điểm ngày 26/03/2021, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty gồm:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	27.909.807	65,14

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Than Cao Sơn - TKV chốt tại ngày 26/03/2021)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Căn cứ Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp 2020: "*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó*". CTCP Than Cao Sơn – TKV được thành lập vào ngày 05/08/2020 do hợp nhất 2 Công ty: CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin nên Công ty không có cổ đông sáng lập.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP Than Cao Sơn – TKV, những công ty mà CTCP Than Cao Sơn – TKV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Than Cao Sơn – TKV

Công ty mẹ của CTCP Than Cao Sơn – TKV:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	5700100256	27.909.807	65,14

Công ty mà CTCP Than Cao Sơn – TKV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối: Không có

Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Than Cao Sơn – TKV:

Tên Công ty	: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
Địa chỉ	: 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 024.35180141
Giấy CNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2014
Hoạt động kinh doanh chính	: + Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm

	than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than. +Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản. +Vật liệu nổ công nghiệp: Sản xuất, mua, bán, dự trữ, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và Nitơrat Amôn. +Công nghiệp điện: Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện.
Vốn điều lệ	: 34.356.197.448.646 đồng
Tỷ lệ sở hữu tại ngày 26/03/2021	: 65,14%
Giá trị vốn góp	: 279.098.070.000 đồng (tính theo mệnh giá)

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Mô tả hoạt động kinh doanh của CTCP Than Cao Sơn – TKV

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là khai thác than từ mỏ lộ thiên và thực hiện khai thác than theo kế hoạch của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, bán số lượng than khai thác được cho Tập đoàn. Công ty chuyên sản xuất các loại than antraxit: than cục, than cám 1,2,3… đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ than trong nước và quốc tế.

Hiện nay Công ty đang được cấp quyền khai thác 2 mỏ than là: Mỏ than Cao Sơn và Mỏ than Khe Chàm II.

Thông tin về mỏ than của công ty:

Mỏ than Cao Sơn

- Vỉa than 14-5 và 13-1 thuộc Mỏ than Cao Sơn
- Địa điểm: phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Diện tích khu vực khai thác: 4,87 km^2 (bốn phẩy tám mươi bảy kilomet vuông)
- Trữ lượng khai thác: 48.130.000 tấn than
- Trữ lượng mỏ than còn lại: 13.311.873 tấn
- Công suất khai thác:

  + Năm 2009-2021: 3.500.000 tấn than nguyên khai/năm

  + Năm 2022: 2.630.000 tấn than nguyên khai
- Thời hạn Giấy phép khai thác: đến hết năm 2022

- Phương pháp khai thác: Phương pháp lộ thiên đến cốt -190m
- Hiện nay, Công ty đang lập Dự án cải tạo nâng công suất mỏ với với công suất 4,5 triệu tấn/năm, thời gian tồn tại của mỏ: Hết năm 2039.

Mỏ than Khe Chàm II

- Giấy phép khai thác số 1251/GP – BTNMT ngày 26/06/2014.
- Địa điểm: phường Cẩm Tây và Môn Dương, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Diện tích khai thác: 287 ha.
- Mức sâu khai thác: đến mức – 200m.
- Thời gian khai thác theo giấy phép: đến năm 2023.
- Trữ lượng khai thác: 19.846.809 tấn than nguyên khai.
- Trữ lượng còn lại tính đến 30/06/2019: 11.817.201 tấn than nguyên khai.
- Phương pháp khai thác: lộ thiên.

6.2. Doanh thu, lợi nhuận gộp qua các năm

Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV được thành lập vào ngày 05/08/2020 trên cơ sở hợp nhất 2 công ty: CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin. Vì thế số liệu thống kê về doanh thu, lợi nhuận gộp là số liệu dựa trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 05/08/2020 đến ngày 31/12/2020 của công ty sau hợp nhất là Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV

Năm 2020

Chỉ tiêu	Năm 2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	3.100.099.534.294	**97,01%**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.585.146.527	**2,99%**
Tổng	3.195.684.680.821	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn - TKV

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Than Cao Sơn – TKV

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020
Vốn chủ sở hữu	734.949.422.437
Tổng giá trị tài sản	3.801.487.404.919

Chỉ tiêu	Năm 2020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.195.684.680.821
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.528.283.263
Lợi nhuận khác	1.715.149.008
Lợi nhuận trước thuế	73.243.432.271
Lợi nhuận sau thuế	57.336.288.249
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	17.153

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

**Lưu ý: Năm tài chính đầu tiên của Công ty là giai đoạn từ 05/08/2020 – 31/12/2020, Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV bắt đầu hoạt động từ ngày 05/08/2020, nên không có số liệu so sánh so với năm trước.*

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Được hình thành từ việc hợp nhất giữa CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin, CTCP Than Cao Sơn – TKV được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của 2 công ty bị hợp nhất.

Vị thế của công ty trong ngành:

- *Lợi thế tiềm năng khai thác than giai đoạn 2:*

Trữ lượng mỏ than lớn còn nhiều dư địa để khai thác: Mỏ than Cao Sơn được đánh giá là một trong những mỏ than lộ thiên có trữ lượng than dồi dào của Việt Nam với chất lượng than đạt tiêu chuẩn cao. Hiện nay, thời hạn Giấy phép khai thác của Than Cao Sơn đối với mỏ than này sẽ kéo dài đến hết 2022 với tổng trữ lượng còn lại tại Giấy phép là hơn 13,3 triệu tấn.

Theo quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 thì giai đoạn sau năm 2020, tại phần sâu của mỏ Cao Sơn hiện tại (từ mức -190 trở xuống) sẽ hình thành Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn với các thông số dự kiến như sau:

- Công suất 4,5 triệu tấn/năm (theo than nguyên khai)
- Trữ lượng tài nguyên trong ranh giới các giấy phép khai thác là 131.265 nghìn tấn
- Thời gian thực hiện xây dựng: năm 2021 – 2027
- Thời gian tồn tại của mỏ: Hết năm 2039
- Tiến độ thực hiện: chưa lập dự án khai thác và chưa được nhà nước cấp phép

- *Đóng góp lượng doanh thu lớn cho Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam*

Trước khi bị hợp nhất CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin luôn duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp là một trong những công ty con đóng góp lượng doanh thu lớn cho Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2018, tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin đạt hơn 3,25 triệu tấn, đóng góp hơn 8% tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Tập đoàn. Sau khi hợp nhất với CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin hình thành CTCP Than Cao Sơn – TKV, Công ty sau hợp nhất sẽ tiếp tục giữ vững vị thế cũ và có thêm nhiều điều kiện để nâng cao hơn nữa vị thế của mình.

Bảng so sánh sản lượng than sản xuất và tiêu thụ của các doanh nghiệp trong cùng Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam năm 2018

Công ty	Than Cao Sơn	Tây Nam Đá Mài	Than Đèo Nai	Than Cọc Sáu
Sản xuất (Tấn)	3.304.806	1.429.000	2.110.000	2.605.986
Tiêu thụ (Tấn)	3.257.074	1.743.000	2.128.000	2.616.572

Nguồn: Báo cáo thường niên của các doanh nghiệp

- *Áp dụng Khoa học – Công nghệ vào trong công tác và quản lý sản xuất*

Doanh nghiệp đạt hiệu quả trong việc áp dụng Khoa học – Công nghệ vào trong công tác quản lý và sản xuất: Trong năm 2018, doanh nghiệp đã thành công trong việc giải quyết bài toán vận chuyển đất thải ra bãi thải Bàng Nâu dài hơn 5km bằng hệ thống băng tải vận chuyển đất đá. Sự đổi mới trong khoa học kỹ thuật đã giúp cho doanh nghiệp tăng bảo vệ môi trường, cắt giảm đáng kể lượng chi phí vận chuyển bằng ô tô, chi phí nhiên liệu, chi phí làm đường vận chuyển, chi phí tưới nước dập bụi, san gạt bãi thải.

Đồng thời hiện nay khai thác than càng ngày càng khó khăn, xuống sâu hơn xa hơn khiến gia tăng chi phí khai thác, cùng với đó là hệ số đất, cung độ vận chuyển đã tăng rất nhiều lần, nên việc áp dụng công nghệ tiên tiến giúp cho CTCP Than Cao Sơn – TKV đạt được hiệu quả hơn trong công tác khai thác cũng như quản lý.

- *Nguồn nhân lực dồi dào*

Việc hợp nhất đã giúp cho CTCP Than Cao Sơn – TKV sở hữu toàn bộ hợp đồng lao động tại 2 công ty bị hợp nhất là CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin. Tính đến thời điểm 31/03/2020, CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin đang sở hữu 2.408 lao động và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin đang sở hữu 1.334 lao động. Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề, có trình độ cao, đã được đào tạo chính quy và trải qua nhiều năm kinh nghiệm công tác, đây cũng là một trong những lợi thế của CTCP Than Cao Sơn – TKV so với ngành.

8.2. Triển vọng phát triển ngành

Tính trong cả nước, năm 2019 có hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong ngành than trong đó các công ty dẫn đầu về sản lượng sản xuất gồm Vinacomin, Vietmindo, Tổng công ty Đông Bắc... Việc cung ứng than cả nước chủ yếu do TKV đảm nhiệm. Hàng năm, Tập đoàn ký hợp đồng giao thầu cho các công ty con và các doanh nghiệp tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh để quản lý tài nguyên và thực hiện các công đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác, sàng, tuyển, chế biến.

Hiện nay, than cũng như các khoáng sản khác đang ngày càng trở nên khan hiếm, trữ lượng than trong nước khai thác không đủ để đáp ứng nhu cầu. chính vì vậy xu hướng nhập khẩu than ngày càng gia tăng. Việt Nam bắt đầu nhập khẩu than từ năm 2013, trong đó, Indonesia hiện đang là quốc gia cung cấp hơn 50% sản lượng than nhập khẩu của Việt Nam do có lợi thế về địa lý và giá thành.

Nhu cầu tiêu thụ than trong nước đang có chiều hướng tăng trưởng do hầu hết các ngành công nghiệp sử dụng than là nguyên liệu như: điện, xi măng, phân bón đều đẩy mạnh sản xuất. Hiện nay ngành điện đang là khách hàng lớn nhất của các doanh nghiệp than nội địa, tiêu thụ hơn 70% tổng sản lượng than tiêu thụ trong nước.

Với tiềm năng hạn chế về thủy điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Hiện nay, nhu cầu than anthracite cho 24 nhà máy nhiệt điện của EVN, PVN và TKV đã lên tới hơn 40 triệu tấn/năm. Theo dự báo trong Quy hoạch điều chỉnh "Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng 2030" (phê duyệt theo Quyết định số 403/2016/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ) nhu cầu nhu cầu than của nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng cao, với tốc độ tăng trưởng kép CAGR khoảng 7,5%/năm.

Dự báo nhu cầu than của nền kinh tế và nhu cầu than cho sản xuất điện trong giai đoạn 2020-2030:

Năm	2020	2025	2030
Dự báo nhu cầu than (Triệu tấn)	86,4	121,5	156,6
Dự báo nhu cầu than cho sản xuất điện (Triệu tấn)	64,1	96,5	131,1

Nguồn: Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016

Để đáp ứng nhu cầu trên, Chính phủ đã giao cho Bộ Công thương đánh giá lại trữ lượng than cho chính xác và đề xuất giải pháp khai thác sao cho vừa đảm bảo an ninh năng lượng, vừa đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững. Trước mắt, đối với bể than Đông Bắc, Bộ Công thương đưa ra kế hoạch hoàn thành thăm dò phần tài nguyên trữ lượng than trên mức -300m và một số dưới mức -300m. Đối với bể than đồng bằng sông Hồng, Bộ Công thương sẽ chỉ đạo thăm dò một số diện tích chứa than có triển vọng, đầu tư khai thác thử nghiệm, Với trữ

lượng than dồi dào sẵn sàng cung cấp, các doanh nghiệp ngành than sẽ được hưởng lợi rất lớn từ sự gia tăng nhu cầu sử dụng và tiêu thụ than.

Ngoài ra, để đẩy mạnh phát triển ngành than, Chính phủ cũng đã đưa ra những giải pháp để đảm bảo cung cấp than dài hạn, cụ thể như:

- Đẩy mạnh thăm dò bể than Đông Bắc nhằm nâng cấp trữ lượng than từ mức -300m trở lên và chuẩn xác trữ lượng than dưới mức -300m để chuẩn bị đủ cơ sở trữ lượng và tài nguyên than tin cậy, phục vụ huy động vào thiết kế khai thác theo Quy hoạch.
- Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch liên quan của các địa phương có tài nguyên than cần xác định cụ thể.
- Chủ động tìm kiếm các cơ hội và thu xếp nguồn vốn để thực hiện việc đầu tư thăm dò, khai thác than ở nước ngoài dưới nhiều hình thức như liên doanh, mua mỏ…
- Áp dụng phương pháp tiên tiến trong lĩnh vực quản trị tài nguyên; tăng cường kiểm soát nguồn than từ khâu khai thác, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ.

Đồng thời, các giải pháp liên quan như giải pháp về huy động vốn đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, bảo về môi trường và về cơ chế, chính sách cũng được nêu rõ.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong CTCP Than Cao Sơn – TKV

Hình thành sau hợp nhất, CTCP Than Cao Sơn – TKV nhận toàn bộ trách nhiệm về các hợp đồng lao động đối với 2 công ty bị hợp nhất là CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin. Công ty hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

Số lượng người lao động trong CTCP Than Cao Sơn – TKV tính đến thời điểm 31/12/2020

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	**Phân theo loại hợp đồng lao động**		
	HĐLĐ không xác định thời hạn	3.696	99,73
	Lao động thuộc diện không ký HĐLĐ	10	0,27
	Tổng số lao động	**3.706**	**100**
2	**Phân theo trình độ học vấn**		
	Đại học và trên đại học	791	21,35
	Cao đẳng, Trung cấp	104	2,8
	Công nhân, khác	2.811	75,85
	Tổng số lao động	**3.706**	**100**

Nguồn: CTCP Than Cao Sơn – TKV

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, đối với người lao động trong CTCP Than Cao Sơn – TKV

- Thực hiện trả lương lũy tiến cho công nhân vận hành, trả lương theo giờ theo đúng quy chế đã ban hành.
- Các chế độ về ăn ca, bồi dưỡng độc hại đều được Công ty thực hiện đúng theo các quy định hướng dẫn của nhà nước, của Tập đoàn và được quy định cụ thể trong quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

11. Tình hình tài chính

Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV được thành lập vào ngày 05/08/2020 trên cơ sở hợp nhất 2 công ty: CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin. Vì thế số liệu thống kê tài chính là số liệu dựa trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 05/08/2020 đến ngày 31/12/2020 của công ty sau hợp nhất là Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Khấu hao tài sản cố định:

Được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao
CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 -10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

c) Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

d) Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Tình hình trích lập các quỹ tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Các quỹ	31/03/2020
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	31.327.965.285
2	Quỹ Đầu tư phát triển	45.131.130.958

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV)

e) Tổng dư nợ vay:

Bảng dưới đây thể hiện các khoản vay và nợ ngắn hạn của các Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Tình hình dư nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020
1	Gốc vay ngắn hạn (a)	707.680.359.607
2	Gốc vay dài hạn (b)	690.082.165.365
3	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả (c)	300.165.740.339
4	Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính (d)	1.397.762.524.972

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV

(d) Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn (a+c): 1.007.846.099.946 đồng;

Vay và nợ dài hạn (b-c): 389.916.425.026 đồng.

f) Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu:

Tình hình các khoản phải thu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020
Phải thu ngắn hạn		**1.457.288.200.189**
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.433.854.864.740
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.646.139.250
3	Các khoản phải thu khác	13.787.196.199
Phải thu dài hạn		**128.830.922.194**
1	Phải thu dài hạn khác	128.830.922.194
	Tổng cộng	**570.684**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn – TKV

Các khoản phải trả:

Tình hình các khoản phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020
Nợ ngắn hạn		**2.674.468.705.327**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	870.973.283.139
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	234.934.866.794
3	Phải trả người lao động	123.686.778.961
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	222.049.315
5	Phải trả ngắn hạn khác	405.477.661.887
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.007.846.099.946
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.327.965.285
Nợ dài hạn		**392.069.277.155**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	389.916.425.026
2	Dự phòng phải trả dài hạn	2.152.852.129
	Tổng cộng	**3.066.537.982.482**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn - TKV

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,81
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,81
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,17
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	5,90
(Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,79
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,80
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,51
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,24
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.338

Nguồn: Số liệu được tính toán dựa trên BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn - TKV

12. Tài sản của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV tại thời điểm 31/12/2020

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	978.402.789.062	449.619.418.124	45,95%
2	Máy móc, trang thiết bị	1.677.438.261.407	283.300.497.663	16,89%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.668.335.528.301	404.403.473.345	15,16%
4	Thiết bị văn phòng	40.335.884.746	7.562.297.278	18,75%
Tổng cộng:		**5.364.512.463.516**	**1.144.885.686.410**	**21,34%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn – TKV

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2020
1	Mua sắm	750.000
2	Xây dựng cơ bản	16.256.590.361
2.1	*- Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn*	*7.786.173.500*
2.2	*- Dự án cải tạo mở rộng nâng cao năng suất mỏ than Cao Sơn*	*5.627.736.363*
2.3	*- Các dự án khác*	*2.842.680.498*
3	Sửa chữa	-
Tổng cộng		**16.257.340.361**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn – TKV

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến của CTCP Than Cao Sơn – TKV

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021	Tăng, giảm 2021/2020
	Vốn điều lệ	Đồng	428.467.730.000	-
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.005	150,49%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	63.638	10,99%

3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,79%	-
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	7,97%	-
5	Cổ tức	% vốn điều lệ	≥ 7	-

(Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 5060/QĐ-TCS-HĐQT của CTCP Than Cao Sơn – TKV)

Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2021 là năm thứ hai hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Than Cao Sơn – TKV sau khi hợp nhất 2 Công ty: CTCP Than Cao Sơn – Vinacomin và CTCP Than Tây Nam Đá Mài. Công ty vẫn tiếp tục phát triển mảng hoạt động truyền thống là khai thác than lộ thiên tại mỏ và cung ứng cho Tập đoàn TKV. Với ngành nghề chính là sản xuất kinh doanh than, Công ty tổ chức khai thác, chế biến kinh doanh sản phẩm than đạt công suất thiết kế Mỏ than lộ thiên Cao Sơn và Mỏ than lộ thiên Khe Chàm II theo Giấy phép khai thác được cấp hiện tại. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện triển khai hiệu quả Dự án cải tạo, nâng công suất thiết kế Mỏ than lộ thiên Cao sơn khai thác đến cốt cao -325m, công suất thiết kế mỏ đạt 4,5 triệu tấn than/năm với tuổi mỏ đến năm 2038. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty dự kiến tăng lần lượt là 150,49% và 10,99% so với năm tài chính hoạt động đầu tiên (từ ngày 05/08/2020 đến ngày 31/12/2020) là do sau khi hợp nhất doanh nghiệp, Công ty gia tăng quy mô và nguồn lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy doanh thu và lợi nhuận cũng tăng tương ứng. Kế hoạch doanh thu tăng 150,49% là do hiện tại Công ty đang tính kế hoạch doanh thu so với 5 tháng hoạt động của năm 2020. Lợi nhuận tăng 10,99% là do giá thành khai thác than năm 2021 dự kiến tăng cao do chi phí nhiên liệu đầu vào khai thác than tăng mạnh.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện: ***Không có.***

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty sản xuất kinh doanh an toàn, đổi mới và phát triển; đảm bảo thu nhập cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo cổ tức cho cổ đông. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp của CTCP Than Cao Sơn với đội ngũ CBCNV có đủ trình độ kỹ thuật, làm chủ được thiết bị công nghệ khai thác, có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, gắn bó với công ty trong suốt quá trình phát triển, cùng nhau xây dựng công ty ngày càng ổn định và phát triển.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Với ngành nghề chính là sản xuất kinh doanh than, Công ty tổ chức khai thác, chế biến kinh doanh sản phẩm than đạt công suất thiết kế Mỏ than lộ thiên Cao Sơn và Mỏ than lộ thiên Khe Chàm II theo Giấy phép khai thác được cấp hiện tại. Triển khai hiệu quả Dự án cải tạo, nâng công suất thiết kế Mỏ than lộ thiên Cao sơn khai thác đến cốt cao -325m, công suất thiết kế mỏ đạt 4,5 triệu tấn than/năm với tuổi mỏ đến năm 2038. Là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), trong đó TKV chiếm 65,14% vốn điều lệ, chiến lược trung và dài hạn của Công ty phù hợp với chiến

lược của ngành than đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030.

- Mục tiêu phát triển bền vững: Quá trình phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển của ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, đóng góp tích cực vào việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Phát triển bền vững công ty gắn liền với việc triển khai hiệu quả Dự án cải tạo, nâng công suất thiết kế Mỏ than lộ thiên Cao sơn khai thác đến cốt cao -325m, công suất thiết kế mỏ đạt 4,5 triệu tấn than/năm bắt đầu từ năm 2023. Khai thác mỏ gắn với bảo vệ môi trường, khi Công ty triển khai dự án khai thác mỏ phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đồng thời phải triển khai dự án cải tạo và phục hồi môi trường được duyệt. Phát triển dự án gắn liền với mục tiêu an sinh xã hội.

- Các rủi ro: Khai thác mỏ là ngành sản xuất tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro do đặc thù nghề nghiệp. Công ty luôn xây dựng và triển khai tất cả các phương án phòng ngừa rủi ro, thủ tiêu sự cố về quy trình công nghệ, môi trường, thiên tai, dịch bệnh, …, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, sản xuất kinh doanh của Công ty.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Chức vụ
1	Ông Vũ Văn Khẩn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
2	Ông Phạm Thành Đông	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)
3	Ông Vũ Trọng Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Trần Phương Nam	Thành viên HĐQT độc lập

- **Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Văn Khẩn**

1. Họ và tên: Vũ Văn Khẩn

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 16/08/1968

4. Nơi sinh: Tân Phong, Vũ Thư, Thái Bình

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 4, Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh

7. Chứng minh thư nhân dân số: 034068001414 Nơi cấp: Cục CSĐKQLDLQGDC Ngày cấp: 291712015

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0912108420

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 9/1990 ÷ 09/1995	Mỏ Than Cọc Sáu.	Kỹ thuật viên CT Mìn
Từ tháng 10/1995 ÷ 07/1999	Mỏ than Cọc Sáu	Kỹ sư phòng kỹ thuật
Từ tháng 8/1999 ÷ 04/2004	Công ty Than Cọc Sáu	Phó trưởng phòng Kỹ thuật
Từ tháng 5/2004 ÷ 09/2006	Công ty Than Cọc Sáu.	Quản đốc CT Xúc Tả Ngạn
Từ tháng 10/2006 ÷ 10/2007	Công ty Than Cọc Sáu	Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác
Từ tháng 11/2007 đến tháng 3/2008	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu–TKV	Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác, Trợ lý Giám đốc, Chỉ huy Công trường Khai thác quặng sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh)
Từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2013	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin.	Phó giám đốc
Từ tháng 4/2013 đến tháng 9/2018	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin	Giám đốc
Từ tháng 10/2018 đến tháng 2/2020	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.	Ủy viên thường trực HĐQT
Từ tháng 2/2020 đến nay	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	Trưởng ban-Thành viên Ban Quản lý vốn
Từ tháng 2/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cao Sơn -TKV	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Kinh doanh	

	Than Cẩm Phả	
	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	
Từ tháng 2/2020 đến nay	Công ty CP Than Cọc Sáu-Vinacomin	Thành viên HĐQT
	Công ty CP Cơ khí mỏ và đóng tầu –TKV	
	Công ty CP sản xuất than và thương mại Uông Bí	

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Trưởng ban-Thành viên Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả-Vinacomin.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ-TKV
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí mỏ và đóng tàu-TKV.
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất than và thương mại Uông bí

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch :

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện cho tổ chức: tại ngày 26/03/2021: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: 27.909.807 cổ phần, tương ứng 65,14% vốn điều lệ Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: 0

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch : Thù lao HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

- **Thành viên HĐQT Ông Phạm Thành Đông**

1. Họ và tên: Phạm Thành Đông

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh:01/6/1961

4. Nơi sinh: Thái Giang, Thái Thụy, Thái Bình

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 1, C2T2, K80A Vĩnh phúc, Ba Đình, Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100983012 Nơi cấp: CA Quảng Ninh. Ngày cấp: 16/3/2005.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0913251765

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 4/1985 ÷ 4/1994	Mỏ than Đèo Nai	Nhân viên Phòng KTKT
Từ tháng 5/1994 ÷ 01/2002	Mỏ than Đèo Nai	Phó Phòng KTKT
Từ tháng 2/2002 ÷ 03/2002	Công ty Than Đèo Nai	Trợ lý giám đốc
Từ tháng 4/2002 ÷ 3/2010	Công ty CP than Đèo Nai	Phó giám đốc
Từ tháng 4/2010 ÷ 24/10/2016	Công ty CP than Đèo Nai	Giám đốc
Từ 25/10/2016 đến 05/08/2020	Công ty CP than Cao Sơn-Vinacomin	Ủy viên HĐQT- Giám đốc
Từ 05/08/2020 đến nay	Công ty CP than Cao Sơn-TKV	Ủy viên HĐQT- Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: Không

- Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: 0

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

- **Thành viên HĐQT Ông Vũ Trọng Tuấn**

1. Họ và tên: Vũ Trọng Tuấn

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 03 tháng 5 năm 1965

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 101178452; Ngày cấp: 22/9/2009; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 4, P. Hồng Hà - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0936196016

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Trắc địa mỏ, Kỹ sư khai thác mỏ.

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/1988 đến tháng 10/1993	XN Than Cẩm Phả.	Nhân viên phòng Kỹ thuật
Từ tháng 8/1993 đến tháng 10/1996	XN Than Cẩm Phả.	Nhân viên Kỹ thuật Cảng cá
Từ tháng 11/1996 đến tháng 9/1999	XN Than Cẩm Phả	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ tháng 10/1999 đến tháng 12/2003	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	Phó quản đốc CT Khai thác
Từ tháng 01/2004 đến tháng 04/2009	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	Quản đốc CT Khai thác
Từ tháng 05/2009 đến tháng 7/2009	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	Trợ lý Giám đốc
Từ tháng 08/2009 đến tháng 11/2019	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	Phó Giám đốc
Từ 01/12/2019 đến 05/08/2020	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	Quyền Giám đốc
Từ 05/08/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV	Bí thư Đảng ủy
Từ 05/08/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV	Ủy viên HĐQT

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP than Cao Sơn-TKV

12. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 26/03/2021: 12.244 cổ phần tương ứng 0,029% vốn điều lệ Công ty;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao HĐQT

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Thành viên HĐQT Ông Trần Tuấn Anh**

1. Họ và tên: Trần Tuấn Anh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: Ngày 24 tháng 02 năm 1972

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 2023, chung cư Royal, 72 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 011594766 Nơi cấp: CA Hà Nội. Ngày cấp: 27/7/2007.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0932 466 688

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/1994 ÷ 5/2000	Ban quản lý công trình khu vực than Nội địa	Nhân viên Kế toán, Phòng Kế toán
Từ tháng 6/2000 ÷ 2/2008	Ban quản lý dự án Than Việt Nam	Phụ trách Phòng Kế toán
Từ tháng 3/2008 ÷ 2/2012	Ban QL dự án đồng bằng Sông hồng	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ tháng 3/2012 ÷ 15/12/2015	Tập đoàn CN Than Khoáng sản VN	Phó phòng Ban kế toán
Từ tháng 15/12/2015 ÷ 2/2016	Tập đoàn CN Than Khoáng sản VN	Trưởng phòng Ban kế toán
Từ tháng 3/2016 ÷ 3/2017	Công ty CP than Cao Sơn Vinacomin	Kế toán trưởng Công ty
Từ 4/2017 đến 05/08/2020	Công ty CP than Cao Sơn Vinacomin	UV HĐQT, Kế toán trưởng
Từ 5/08/2020 đến nay	Tập đoàn TKV	Phó ban Kiểm soát nội bộ

Từ 5/8/2020 đến nay	Công ty CP than Cao Sơn – TKV	UV HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Công ty CP than Cao Sơn – TKV;

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: Không

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

- **Thành viên HĐQT Ông Trần Phương Nam**

1. Họ và tên: Trần Phương Nam

2. Giới tính: Nam

3. Số CMND: 100629547; Ngày cấp: 10/7/2014; Nơi cấp: CA Quảng Ninh

4. Ngày sinh: 28/4/1974

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 8, P. Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0936485888

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1995-07/1998	Mỏ than Cọc 6	Nhân viên Kỹ thuật
Từ 08/1998-2/2004	Công ty CP Than TNĐM	Nhân viên phòng Kỹ thuật
Từ 03/2004-03/2007	Công ty cổ phần Than TNĐM	Phó Phòng Kỹ thuật
Từ 04/2007-03/2010	Công ty Cổ phần Than TNĐM	Trưởng phòng Vật tư
Từ 04/2010-12/2014	Công ty Cổ Phần Than TNĐM	Trưởng phòng Tiêu thụ

Từ 01/2015-7/2018	Công ty Cổ phần Than TNĐM - Vinacomin	Trưởng Phòng Thanh Tra Pháp chế KTNB
Từ 08/2018- 05/08/2020	Công ty CP Than TNĐM - Vinacomin	Trưởng phòng giúp việc HĐQT, Ủy viên HĐQT
Từ 05/08/2020 đến nay	Công ty CP Than Cao Sơn-TKV	Ủy viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao HĐQT

16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2. Ban Kiểm Soát

STT	Danh sách	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Lịch	Trưởng BKS
2	Bà lê Thị Kim Dung	Thành viên BKS
3	Bà Dương Thị Thu Phong	Thành viên BKS
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Thành viên BKS
5	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên BKS

- **Trưởng Ban Kiểm Soát – Bà Nguyễn Thị Lịch**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lịch

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 19 tháng 10 năm 1979

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 101166814 Ngày cấp: 22/01/2010 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 591 015

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/2001 đến tháng 01/2009	Công ty TNHH MTV than Hạ Long	Nhân viên phòng Kế toán
Từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2010	Công ty TNHH MTV than Hạ Long	Phó phòng Kế toán
Từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010	Công ty TNHH MTV than Hạ Long	Phụ trách phòng Kế toán
Từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2018	Công ty than Hạ Long	Kế toán trưởng
Từ tháng 4/2018 đến nay	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ
Từ tháng 4/2018 đến nay	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	Thành viên Ban kiểm soát
Từ tháng 4/2018 đến nay	Công ty than Quang Hanh; Công ty than Hòn Gai.	Kiểm soát viên
Từ tháng 05/08/2020 đến nay	CTCP Than Cao sơn –TKV	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty cơ khí ô tô Uông Bí.	

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn
- Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc
- Kiểm soát viên Công ty than Quang Hanh
- Kiểm soát viên Công ty than Hòn Gai
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cơ khí ô tô Uông Bí

13.Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 26/03/2021: 55.100 cổ phần tương ứng 0,129% vốn điều lệ;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao BKS

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Thành viên Ban Kiểm Soát – Bà Lê Thị Kim Dung**

1. Họ và tên: Lê Thị Kim Dung

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 12 tháng 8 năm 1972

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100502268 Ngày cấp: 22/8/2006 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu 5A, phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 380569

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/1992 - 9/1998	Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản	Nhân viên kế toán
Từ 10/1998 - 4/2003	Công ty Địa chất và KTKS	Phó phòng kế toán
Từ 01/5/2003 - 10/2010	Công ty Địa chất mỏ	Kế toán trưởng
Từ 01/5/2003 - 10/2010	Công ty Địa chất mỏ	UV BCH Đảng bộ công ty
Từ 11/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV	Kế toán trưởng
Từ 11/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV	UV BCH Đảng bộ công ty
Từ 11/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV	Bí thư chi bộ Nghiệp vụ
Từ 01/2016 - 9/2019	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 01/2016 - 9/2019	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	UV BCH Đảng bộ công ty
Từ 01/2016 - 9/2019	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	Bí thư chi bộ Nghiệp vụ II
Từ 9/2019 -10/2020	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 9/2019 -10/2020	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	UV BCH Đảng bộ công ty

Từ 11/2019 – 5/2020	Tập đoàn CN Than KS Việt Nam	Phó trưởng ban KSNB
Từ 11/2019 – 5/2020	Công ty CP Địa chất và KS-Vinacomin	Trưởng ban Kiểm soát
Từ 11/2019 – 5/2020	Công ty CP Địa chất mỏ-TKV	Trưởng ban Kiểm soát
Từ 11/2019 – 5/2020	Viện Cơ khí Năng Lượng và Mỏ	Kiểm soát viên
Từ 11/2019 – 5/2020	Bệnh viện Than Khoáng sản	Kiểm soát viên
Từ 6/2020 – nay	Tập đoàn CN Than KS Việt Nam	Phó trưởng ban KSNB
	Công ty CP Địa chất và KS-Vinacomin	Trưởng ban Kiểm soát
	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	Trưởng ban Kiểm soát
	Viện Cơ khí Năng Lượng và Mỏ	Kiểm soát viên
	Bệnh viện Than Khoáng sản	Kiểm soát viên
Từ tháng 05/08/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV	Thành viên BKS

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than KS Việt Nam
- Trưởng ban KS Công ty CP Địa chất và KS-Vinacomin
- Trưởng ban KS Công ty CP Địa chất mỏ-TKV
- Kiểm soát viên Viện Cơ khí Năng Lượng và Mỏ
- Kiểm soát viên Bệnh viện Than Khoáng sản

13.Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: Không có;

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao BKS

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Thành viên Ban Kiểm Soát – Bà Dương Thị Thu Phong**

1. Họ và tên: Dương Thị Thu Phong

2. Giới tính: Nam/Nữ: Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 02 tháng 9 năm 1972

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. CMND/Hộ chiếu số: 100583292 Ngày cấp: 13/02/2006 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

6. Địa chỉ thường trú: SN 11, tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc: 0912 658 006

8. Trình độ văn hoá: 12/12

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa CN Mỏ, Thạc sỹ chuyên ngành kinh tế mỏ.

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/1994 đến tháng 06/1996	Trung tâm máy tính và tin học Hạ Long	Cán bộ phòng máy tính
Từ tháng 7/1996 đến tháng 02/1997	Công ty than Hòn Gai	Cán bộ phòng máy tính
Từ tháng 3/1997 đến tháng 3/1998	Trường Đào tạo nghề mỏ Hòn Gai – Quảng Ninh	Cán bộ tổ chức dịch vụ
Từ tháng 4/1998 đến tháng 9/1999	Công ty than Hòn Gai	Cán bộ phòng Tổ chức lao động
Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2003	Công ty than Núi Béo	Nhân viên phòng Tổ chức lao động, Kế hoạch, Kế toán thống kê, Quản lý chi phí
Từ tháng 12/2003 đến tháng 12/2004	Công ty than Núi Béo - TKV	Phó phòng Khoán và Quản lý chi phí
Từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2014	Công ty than Núi Béo - Vinacomin	Trưởng phòng Quản lý chi phí
Từ tháng 11/2014 đến tháng 15/12/2015	Công ty than Núi Béo - Vinacomin	Phó giám đốc

Từ tháng 12/2015 đến tháng /2015	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng phòng Ban Kế hoạch
Từ tháng 4/2018 đến nay	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Phó trưởng Ban Kế hoạch
Từ tháng 05/08/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV	Thành viên Ban Kiểm soát

11. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao BKS

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

- **Thành viên Ban Kiểm Soát – Bà Nguyễn Thị Bích Hải**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hải

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: Ngày 08 tháng 10 năm 1966

4. Nơi sinh: Hòa Bình, Bình Lục, Nam Hà

5. Quốc tịch:Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 04 ngõ 376, tổ 2 khu 1B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100415342 Nơi cấp: CA Quảng Ninh. Ngày cấp: 15/4/2005.

8. Điện thoại liên hệ: Di động 0942 725 555

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 02/1984 ÷ 3/1990	Xí nghiệp Vận tải ô tô Cẩm Phả	Kế toán ngành ăn

Từ tháng 4/1990 ÷ 12/1998	Mỏ than Cao Sơn	Nhân viên kinh tế PXCB
Từ tháng 01/1999 ÷ 1/2006	Công ty than Cao Sơn	Nhân viên phòng Kế toán tài chính
Từ tháng 2/2006 ÷ 12/2008	Công ty than Cao Sơn	Phó phòng Kế hoạch
Từ tháng 1/2009 ÷ 12/2011	CTCP Than Cao Sơn -Vinacomin	Phó phòng Kế toán tài chính
Từ tháng 01/2012 ÷ 11/2014	CTCP Than Cao Sơn -Vinacomin	Phó phòng Dự án
Từ tháng 12/2014 ÷ 9/2015	CTCP Than Cao Sơn -Vinacomin	Phó phòng Đầu tư, môi trường
Từ tháng 10/2015 ÷ 3/2007	CTCP Than Cao Sơn -Vinacomin	Phó phòng Kế toán tài chính
Từ 4/2017 đến 05/08/2020	CTCP Than Cao Sơn -Vinacomin	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Thanh tra Bảo Vệ
Từ 05/08/2020 đến nay	CTCP Than Cao Sơn -TKV	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Thanh tra Bảo Vệ

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu cổ phần của cá nhân tại ngày 26/03/2021: 2.450 cổ phần, tương ứng 0,006% vốn điều lệ Công ty

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao Ban kiểm soát

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

- **Thành viên Ban Kiểm Soát – Ông Nguyễn Huy Hoàng**

1. Họ và tên: NGUYỄN HUY HOÀNG.

2. Giới tính: Nam

3. Số CMND: 100658251; Ngày cấp: 17/6/2010; Nơi cấp: CA Tỉnh Quảng Ninh.

4. Ngày sinh: 26/11/1977.

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Khu 5A, P. Cẩm Trung - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0912990977.

8. Trình độ văn hoá: 12/12.

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư kế toán.

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 5/1999 - 2002	Xí nghiệp Than Suối Lại - Công ty Than Hạ Long	Thống kê, Nhân viên cảng, nhân viên phòng Kế hoạch
Từ năm 2003 - tháng 5/2005	Xí nghiệp Xây lắp và sản xuất than Khe Chàm II - Công ty than Hạ Long	Nhân viên cảng, Nhân viên kinh tế
Từ tháng 6/2005 - tháng 3/2007	Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài	Nhân viên kinh tế Phân xưởng vận tải
Từ tháng 4/2007 - tháng 3/2010	Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài.	Nhân viên phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí
Từ tháng 4/2010 - đến 05/08/2020	Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	Phó phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí
Từ 05/08/2020 - đến nay	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV	Phó phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí Thành viên BKS

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Thành viên BKS, Phó phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí Công ty

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần đang nắm giữ: Không có.

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao BKS

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ban Giám đốc

STT	Danh sách	Chức vụ
1	Ông Phạm Thành Đông	Giám đốc

STT	Danh sách	Chức vụ
2	Ông Phạm Quốc Việt	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc
4	Ông Mai Huy Giáp	Phó Giám đốc
5	Ông Đỗ Văn Kiên	Phó Giám đốc
6	Ông Vũ Văn Huy	Phó Giám đốc

- **Giám đốc – Ông Phạm Thành Đông**

(SYLL ông Phạm Thành Đông – Giám đốc đã được trình bày ở mục II.1. Hội đồng Quản trị).

- **Phó Giám đốc - Ông Phạm Quốc Việt**

1. Họ và tên: Phạm Quốc Việt

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 100611852; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp 27/02/1997.

4. Ngày sinh : Ngày 30 tháng 7 năm 1974

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: SN 296, Tổ 5, Kh Cao Sơn, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

7. Điện thoại liên hệ: 0913479898

8. Trình độ văn hóa: 12/12

9.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ Tháng 12/1995 - 06/1997	Vận hành xúc, công trường Đông Cao Sơn	Mỏ Than Cao Sơn
Từ Tháng 07/1997 - 04/1999	Điều độ viên, Trung tâm CHSX	Mỏ Than Cao Sơn
Từ Tháng 04/1999 - 10/2001	Nhân viên phòng Kỹ thuật Khai thác	Công ty Than Cao Sơn
Từ Tháng 10/2001 -	Nhân viên phòng Kỹ thuật	Công ty Than Cao Sơn

11/2005	Khai thác	
Từ Tháng 11/2005 - 11/2005	Ca trưởng Tuyến 2, Phòng Điều khiển SX	Công ty Than Cao Sơn
Từ Tháng 12/2005 - 09/2006	Học viên lớp ngoại ngữ Anh văn tập trung, do trường ĐH Ngoại ngữ ĐH Quốc gia Hà Nội mở tại Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam	
Từ Tháng 09/2006 - 01/2007	Ca trưởng Tuyến 2, phòng Điều khiển SX	Công ty Than Cao Sơn
Từ Tháng 01/2007 - 03/2007	Ca Trưởng Tuyến 2, phòng Điều khiển SX	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 03/2007 - 05/2007	Cán bộ, phòng Điều khiển sản xuất	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 06/2007 - 07/2008	Quyền Phó Quản đốc, Công trường Khai thác 2	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 07/2008 - 09/2008	Phó phòng Kỹ thuật Khai thác	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 09/2008-08/2009	Trợ lý Giám đốc kỹ thuật	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 08/2009-05/2011	Trợ lý Giám đốc, kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ Tháng 05/2011-05/2014	Trợ lý Giám đốc, kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác	Công ty Than Cao Sơn-Vinacomin
Từ Tháng 05/2014 -:-08/2020	Phó Giám đốc	Công ty Than Cao Sơn-Vinacomin
Từ Tháng 08/2020 → nay	Phó Giám đốc	Công ty Than Cao Sơn-TKV

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó Giám đốc Công ty

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 26/03/2021: 1.167 cổ phần, tương ứng 0,0027% vốn điều lệ Công ty

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Sinh**

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Sinh

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 101027907; Nơi cấp: Quảng Ninh: Ngày cấp: 05/04/2006

4. Ngày sinh : Ngày 28 tháng 02 năm 1966

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu Cao Sơn 2, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

7. Điện thoại liên hệ: 0904663825

8. Trình độ văn hóa: 10/10

9.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/1986 - 7/1988	Vận hành xúc, Công trường Bàng Nâu	Mỏ Than Cao Sơn
Từ tháng 7/1988 - 08/1989	Đốc công, Công trường Bàng Nâu	Mỏ Than Cao Sơn
Từ tháng 9/1989 - 04/1998	Phó Quản đốc, Công trường Bàng Nâu. Từ 1995 là chi uỷ viên chi bộ	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 05/1998 - 05/1999	Quyền Quản đốc, Công trường Bàng Nâu. Bí thư Chi bộ.	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 05/1999 - 10/2001	Quản đốc, Công trường Khai thác 4, Từ 09/2000: là uỷ viên BCH Đảng bộ mỏ. Phó Bí thư chi bộ	Công ty Than Cao Sơn

Từ tháng 10/2001 - 06/2003	Quản đốc, Công trường Khai thác 4. Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty.	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 07/2003 - 01/2007	Quản đốc, Công trường Khai thác 1.Từ 08/2005 thôi tham gia BCH Đảng bộ Công ty	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 01/2007 - 04/2008	Quản đốc, Công trường Khai thác 1, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 04/2008 - 07/2008	Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 07/2008 - 05/2011	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV. Từ 10/2008, là Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 05/2011 - 5/8/2020	Phó Giám đốc; Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty. Trưởng Ban vì sự tiến bộ phụ nữ.	Công ty Than Cao Sơn-Vinacomin
Từ tháng 5/8/2020-nay	Phó Giám đốc ; Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty. Chủ tịch CĐ Công ty.	Công ty Than Cao Sơn-TKV

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó Giám đốc ; Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty. Chủ tịch CĐ Công ty

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 26/03/2021: 2.217 cổ phần, tương ứng 0,0052% vốn điều lệ Công ty

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: tại ngày 26/03/2021: Vũ Thị Ngọc – Vợ nắm giữ: 1.983 cổ phần, tương tứng 0,0046% vốn điều lệ Công ty

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Phó Giám đốc – Ông Mai Huy Giáp**

1. Họ và tên: Mai Huy Giáp

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 100925052; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp 13/10/2003.

4. Ngày sinh : Ngày 15 tháng 8 năm 1966

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 40, Khu Đông Tiến 1, Cẩm Đông, Cẩm Phả, Quảng Ninh

7. Điện thoại liên hệ: 0904655899

8. Trình độ văn hóa: 10/10

9.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/1984 - 10/1990	Thợ cơ, công trường Băng Máng	Mỏ Than Cao Sơn
Từ tháng 10/1990 - 04/1997	Thợ cơ, công trường Máng ga, mỏ than Cao Sơn. Từ 11/1992 - 08/1996: theo học tại chức ngành Điện Khí hoá, do trường ĐH Mỏ - Địa chất mở tại trường ĐT Công ty than Cẩm Phả.	Mỏ Than Cao Sơn
Từ tháng 04/1997 - 09/1999	Trưng dụng làm viêc tại phòng Cơ điện.	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 09/1999 - 10/2001	Nhân viên phòng Cơ điện	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 10/2001 - 08/2004	Nhân viên phòng Cơ điện	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 08/2004 -	Nhân viên phòng Xây dựng Cơ bản	Công ty Than Cao Sơn

12/2004		
Từ tháng 01/2005 - 08/2005	Quyền Phó Phòng Xây dựng Cơ bản	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 08/2005 - 01/2007	Phó Phòng Cơ điện	Công ty Than Cao Sơn
Từ tháng 01/2007 - 12/2008	Uỷ viên chuyên trách HĐQT. Từ 30/7/2007 là Bí thư chi bộ	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 12/2008 - 05/2010	UVHĐQT, Phó Giám đốc Cơ điện-Vận tải.	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 05/2010 - 05/2011	Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Cơ điện - Vận tải,. Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty khoá XV	Công ty Than Cao Sơn-Vinacomin
Từ tháng 05/2011 - 03/2013	Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Cơ điện - Vận tải. Uỷ viên BCH Đảng bộ Công ty khoá XV	Công ty Than Cao Sơn-TKV
Từ tháng 03/2013 - 04/8/2020	Phó Giám đốc Cơ điện - Vận tải. Uỷ viên BTV Đảng ủy Công ty khoá XV	Công ty Than Cao Sơn-Vinacomin
Từ tháng 5/8/2020 - -> nay	Phó Giám đốc Cơ điện - Vận tải	Công ty Than Cao Sơn-TKV

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó Giám đốc

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 26/03/2021: 2.450 cổ phần, tương ứng 0,0057% vốn điều lệ

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Phó Giám đốc – Ông Đỗ Văn Kiên**

1. Họ và tên: Đỗ Văn Kiên

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 101220623,; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp

28/5/2011.

4. Ngày sinh : Ngày 25 tháng 6 năm 1977

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 52H-K4B Phường Cao Xanh, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

7. Điện thoại liên hệ: 0888689555

8. Trình độ văn hóa: 12/12

9.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác; Thạc sỹ Quản lý kinh tế

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 9/1999-10/2001	Nhân viên phòng kỹ thuật	Mỏ than Núi Khánh
Từ tháng 11/2001-12/2003	Phó quản đốc CT khai thác lộ thiên.	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 1/2004-6/2004	Phó phòng Kỹ thuật	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 7/2004-6/2006	Phó phòng Kỹ thuật tổng hợp	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 7/2006-12/2006	Quản đốc CT lộ thiên	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 1/2007-11/2008	Cán bộ kỹ thuật	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 12/2008-2/2009	Phó phòng ĐKSX	XN than Hà ráng, Cty Than Hạ Long
Từ tháng 3/2009-7/2009	Trưởng phòng ĐKSX	XN than 917, Cty than Hòn gai;
Từ tháng 8/2009-2/2012	Phó Giám đốc	XN 917, Cty than Hòn gai;
Từ tháng 3/2012-11/2013	Giám đốc XN 917	XN 917, Cty than Hòn gai
Từ tháng 12/2013-5/2017	Phó Giám đốc	Cty than Hòn gai
Từ tháng 6/2017-7/2020	Phó Giám đốc	Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
Từ tháng 8/2020-Nay	Phó Giám đốc	Công ty CP Than Cao Sơn-TKV.

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó Giám đốc

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: Không có.

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Phó Giám đốc – Ông Vũ Văn Huy**

1. Họ và tên: Vũ Văn Huy

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 100983961,; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp 29/11/2005

4. Ngày sinh : Ngày 15 tháng 7 năm 1975

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Tổ 8 Khu Tân lập 1 Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

7. Điện thoại liên hệ: 0915412369

8. Trình độ văn hóa: 12/12

9.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị kinh doanh; Cử nhân Tiếng Anh; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/1998-5/1999	Nhân viên Phòng LĐTL	Mỏ than Đèo Nai
Từ tháng 6/1999-12/2004	Nhân viên Phòng Kế hoạch	Mỏ than Đèo Nai
Từ tháng 1/2005-8/2007	Phó phòng Kế hoạch	Mỏ than Đèo Nai
Từ tháng 9/2007-9/2015	Trưởng phòng Kế hoạch	Mỏ than Đèo Nai
Từ tháng 10/2015-5/8/2020	Phó Giám đốc	Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
Từ tháng 5/8/2020-nay	Phó Giám đốc	Công ty CP Than Cao Sơn-TKV.

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Phó Giám đốc

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: Không có.

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Kế toán trưởng

- **Kế toán Trưởng – Ông Đinh Văn Chiến**

1. Họ và tên: Đinh Văn Chiến

2. Giới tính: Nam

3. Chứng minh thư nhân dân số: 100421395,; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp 13/11/2009.

4. Ngày sinh : Ngày 01 tháng 9 năm 1966

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

7. Điện thoại liên hệ: 0912080266

8. Trình độ văn hóa: 12/12

9.Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/1986-8/1996	Nhân viên kinh tế phân xưởng	Xí nghiệp tuyển than Hòn gai. Công ty tuyển than Hòn gai
Từ tháng 9/1996-2/2001	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty tuyển than Hòn gai
Từ tháng 3/2001-7/2007	Phó phòng Kế toán	Công ty tuyển than Hòn gai
Từ tháng 8/2007-7/2016	Kế toán trưởng	Công ty tuyển than Hòn gai
Từ tháng 8/2016- 5/8/2020	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin
Từ tháng 5/8/2020-nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV

11. Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty: Kế toán trưởng

12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

13. Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: tại ngày 23/03/2021: 51.700 cổ phiếu, tương ứng 0,1207% vốn điều lệ Công ty

14. Người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không có.

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không

1. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị phù hợp với các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty theo quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

Công cũng sẽ tăng cường quản trị công ty minh bạch, công khai theo hướng công nghệ hóa, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành thực hiện đúng, hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ, giảm giá thành sản phẩm, tăng năng suất thiết bị, năng suất lao động, thực hiện hiệu quả quản trị chi phí.

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	**Hội đồng quản trị**				
1	**Vũ Văn Khẩn**	**Chủ Tịch HĐQT**	**0**		
1.1	Đồng Thị Thuận		0		Mẹ đẻ
1.2	Nguyễn Thị Nhường		0		Vợ
1.3	Vũ Thanh Tùng		0		Con đẻ
1.4	Vũ Thanh Bình		0		Con đẻ
1.5	Hoàng Lưu Ly		0		Con dâu
1.6	Đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tập Đoàn TKV		27.909.807	65,14%	Trưởng ban - Ban QL vốn
1.7	Công ty CP Kinh doanh Than Cẩm Phả-Vinacomin		0		Chủ tịch HĐQT
1.8	Công ty CP Địa chất mỏ-TKV		0		Chủ tịch HĐQT

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.9	Công ty CP Than Cọc Sáu-Vinacomin		0		Ủy viên HĐQT
1.1	Công ty CP Cơ khí mỏ và đóng tàu-TKV		0		Ủy viên HĐQT
1.11	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Uông Bí		0		Ủy viên HĐQT
2	**Phạm Thành Đông**	**TV HĐQT, Giám đốc**	**0**		
2.1	Bùi Thị Chức		0		Vợ
2.2	Phạm Thành Thái		0		Con đẻ
2.3	Nguyễn Hiền Hòa		0		Con dâu
2.4	Phạm Thu Hằng		0		Con đẻ
2.6	Phạm Thị Toan		0		Chị dâu
2.7	Phạm Thị Dung		0		Chị gái
2.8	Phạm Đình Châu		0		Anh rể
3	**Vũ Trọng Tuấn**	**TV HĐQT**	**12.244**	**0,029%**	
3.1	Bùi Thị Lan		0		Vợ
3.2	Vũ Thị Phương Quỳnh		0		Con ruột
3.3	Vũ Thị Bảo Ngọc		0		Con ruột
3.4	Vũ Đức Hoành		0		Bố đẻ
3.5	Lê Thị Vinh		0		Mẹ đẻ
3.7	Vũ Thị Hà		0		Chị ruột
3.8	Vũ Thị Minh Thanh		0		Em ruột
3.9	Vũ Thị Bích Hằng		0		Em ruột
3.1	Vũ Thị Bích Huệ		0		Em ruột
3.11	Vũ Thanh Tú		0		Em ruột
3.12	Vũ Mạnh Tiến		0		Em ruột

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.13	Hoàng Thị Thanh Tùng		0		Chị dâu
3.14	Nguyễn Văn Chung		0		Anh rể
3.15	Nguyễn Kim Cương		0		Em rể
3.16	Lê Quốc Huy		0		Em rể
3.17	Nguyễn Thị Hồng Nhung		0		Em dâu
3.18	Lê Thị Vân		0		Em dâu
4	**Trần Phương Nam**	**TV HĐQT**	**0**		
4.1	Đoàn Thị Hải Yến		0		Vợ
4.2	Trần Hoàng Sơn		0		Con đẻ
4.3	Trần Gia Huy		0		Con đẻ
4.4	Đinh Thị Thậm		0		Mẹ đẻ
4.5	Trần Thị Ý Thơ		0		Chị gái
4.6	Đoàn Văn Tuấn		0		Bố vợ
4.7	Đặng Thị Kim Thoa		0		Mẹ vợ
5	**Trần Tuấn Anh**	**TV HĐQT**	**0**		
5.1	Đỗ Thùy Chi		0		Vợ
5.2	Trần Hải Phong		0		Con đẻ
5.3	Trần Tưởng		0		Bố đẻ
5.4	Đặng Thị Liên		0		Mẹ đẻ
5.5	Trần Lâm		0		Em ruột
5.6	Trần Thị Ngọc Bích		0		Em ruột
5.7	Đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tập Đoàn TKV		27.909.807	65,14%	Phó Trưởng ban - Ban

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
					KSNB
II					**Ban kiểm soát**
1	**Nguyễn Thị Lịch**	**Trưởng Ban Kiểm soát**	**55.100**	**0,129%**	
1.1	Phan Văn Doanh		0		Chồng
1.2	Phan Thị Mai Duyên		0		Con gái
1.3	Phan Khánh Duy		0		Con trai
1.4	Nguyễn Trung Văn		0		Bố đẻ
1.5	Đoàn Thị Hằng		0		Mẹ đẻ
1.6	Nguyễn Văn Mẫn		0		Anh trai
1.7	Nguyễn Hữu Sự		0		Em trai
1.8	Phan Văn Đồn		0		Bố chồng
1.9	Phan Thị Hương		0		Mẹ chồng
1.10	Phan Thị Thu		0		Em chồng
1.11	Phan Văn Hiệp		0		Em chồng
1.12	Đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tập Đoàn TKV		27.909.807	65,14%	Phó Trưởng ban - Ban KSNB
1.13	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-CTCP		0		vợ
1.14	Công ty Cơ khí ô tô Uông Bí		0		TB Kiểm soát
1.15	Công ty Than Quang Hanh-TKV		0		Kiểm soát viên
1.16	Công ty Than Hòn Gai-TKV		0		Kiểm soát viên
2	**Dương Thị Thu Phong**	**TV Ban Kiểm soát**	**0**		
2.1	Nguyễn Hải Thông		0		Chồng
2.2	Nguyễn Hải Nam		0		Con đẻ

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.3	Nguyễn Hà Phương		0		Con đẻ
2.4	Dương Thúc Danh		0		Bố đẻ
2.5	Nguyễn Thị Cậy		0		Mẹ đẻ
2.6	Dương Thị Thu Thuỷ		0		Chị ruột
2.7	Dương Văn Chính		0		Em ruột
2.8	Dương Đại Nghĩa		0		Em ruột
2.9	Tập Đoàn TKV		27.909.807	65,14%	Phó Trưởng ban - Ban KH
3	**Lê Thị Kim Dung**	**TV Ban Kiểm soát**	**0**		
3.1	Nguyễn Thị Thể		0		Mẹ đẻ
3.2	Nguyễn Thu Phương		0		Con đẻ
3.3	Nguyễn Đăng Hưng		0		Con đẻ
3.4	Lê Quang Đại		0		Em trai
3.5	Lê Tiến Quảng		0		Em trai
3.6	Vũ Thị Châu		0		Em dâu
3.7	Nguyễn Thị Thu Thảo		0		Em dâu
3.8	Đại diện sở hữu cổ phiếu Tập Đoàn TKV		27.909.807	65,14%	Phó Trưởng ban - Ban KH
3.9	Công ty CP Địa chất mỏ-TKV		0		TV Ban Kiểm soát
3.10	Công ty CP Địa chất và Khoáng sản-Vinacomin		0		TV Ban Kiểm soát
3.11	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ		0		Kiểm soát viên
3.12	Bệnh viện Than-Khoáng Sản		0		Kiểm soát viên
4	**Nguyễn Huy Hoàng**	**TV Ban Kiểm soát**	**0**		
4.1	Đoàn Thị Mai Hương		0		Vợ
4.2	Nguyễn Anh Dũng		0		Con đẻ

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.3	Nguyễn Nam Phong		0		Con đẻ
4.4	Phạm Thị Ngát		0		Mẹ đẻ
4.5	Nguyễn Văn Phương		0		Bố đẻ
4.6	Nguyễn Hải Phi		0		Anh ruột
4.7	Nguyễn Thị Hằng		0		Chị dâu
4.8	Đoàn Thanh Bình		0		Bố vợ
4.9	Bùi Thị Mai		0		Mẹ vợ
4.10	Đoàn Trung Kiên		0		Em trai vợ
4.11	Phạm Thị Hiền		0		Em dâu vợ
5	**Nguyễn Thị Bích Hải**	**TV Ban Kiểm soát**	**2.450**	**0,006%**	
5.1	Đặng Thừa Vương		0		Chồng
5.2	Nguyễn văn Lân		0		Bố đẻ
5.3	Trần thị Ngọc Cẩn		0		Mẹ đẻ
5.4	Đặng Hoàng Long		0		Con trai
5.5	Đặng Tuấn Kiệt		0		Con trai
5.6	Nguyễn thị Nam Hương		0		Em gái
5.7	Nguyễn thị Thu Hiền		0		Em gái
5.8	Nguyễn Phi Hùng		0		Em trai
5.9	Bùi Hữu Hạnh		0		Em rể
5.10	Trịnh Phúc Hùng		0		Em rể
5.11	Bùi Thị Hoài		0		Em dâu
5.12	Đặng Tiến Hoàng		0		Bố chồng
5.13	Trần Thị Ánh Tuyết		0		Mẹ chồng

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.18	Phạm Thu Nhung		0		Con dâu
III	**Ban Giám đốc**				
1	**Phạm Thành Đông (thông tin nêu tại mục I.2)**	**Giám đốc**			
2	**Nguyễn Văn Sinh**	**Phó Giám Đốc**	**2.217**	**0,0052%**	
2.1	Vũ Thị Ngọc		1.983	0,0046%	Vợ
2.2	Nguyễn Trung Thành		0		Con đẻ
2.3	Nguyễn Văn Ninh		0		Anh ruột
2.4	Nguyễn Thị Hoài		0		Chị ruột
2.5	Nguyễn Văn Minh		0		Em ruột
2.6	Nguyễn Văn Bắc		0		Em ruột
2.7	Nguyễn Văn Bình		0		Em ruột
2.8	Nguyễn Thị Dinh		0		Em ruột
2.9	Khương Thị Nga		0		Chị dâu
2.10	Khương Văn Oanh		0		Anh rể
2.11	Vũ Thị Bảy		0		Em dâu
2.12	Nguyễn Thị Lành		0		Em dâu
2.13	Bùi Thị Hợp		0		Em dâu
2.14	Vũ Văn Hiển		0		Em rể
2	**Phạm Quốc Việt**	**Phó Giám Đốc**	**1.167**	**0,0027%**	
2.1	Phạm Ngọc Long		0		Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Huệ		0		Mẹ đẻ

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.3	Ngô Thị Hà		0		Vợ
2.4	Phạm An Ninh		0		Con đẻ
2.5	Phạm An Hòa		0		Con đẻ
2.6	Phạm Lý Vân		0		Em gái
2.7	Ngô Bá Sơn		0		Bố vợ
2.8	Lê Thị Lơ		0		Mẹ vợ
2.9	Trần Quyết Thắng		0		Em rể
3	**Mai Huy Giáp**	**Phó Giám Đốc**	**2.450**	**0,0057%**	
3.1	Mai Tiến Chi		0		Bố đẻ
3.2	Bùi Thị Lân		0		Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thị Lợi		0		Vợ
3.4	Mai Duy Tuân		0		Con đẻ
3.5	Mai Duy Toàn		0		Con đẻ
3.6	Mai Thị Dậu		0		Chị ruột
3.7	Mai Văn Bản		0		Anh ruột
3.8	Mại Thị Quý		0		Em ruột
3.9	Mai Chí Kiên		0		Em ruột
3.10	Mai Thị Mến		0		Em ruột
3.11	Mai Hồng Phong		0		Em ruột
3.12	Phạm Thị Hải Dương		0		Con dâu
3.13	Vũ Thị Viên		0		Chị dâu
3.14	Đặng Văn TuấnTuấn		0		Anh rể
3.15	Bùi Thị Ngó		0		Em dâu
3.16	Vũ Văn Chuẩn		0		Em rể

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.17	Nguyễn Thị Phương		0		Em dâu
4	**Vũ Văn Huy**	**Phó Giám Đốc**	**0**		
4.1	Nguyễn Thị Mai Hương		0		Vợ
4.2	Vũ Thùy Chi		0		Con đẻ
4.3	Vũ Khánh Chi		0		Con đẻ
4.4	Vũ Văn Phỉ		0		Bố đẻ
4.6	Vũ Thị Cúc		0		Chị ruột
4.7	Vũ Thị Mích		0		Chị ruột
4.8	Vũ Thị Mái		0		Chị ruột
4.9	Vũ Văn Thùy		0		Anh ruột
4.10	Vũ Văn Dương		0		Anh ruột
4.11	Vũ Thị Sáu		0		Chị ruột
4.12	Vũ Văn Tùng		0		Anh ruột
4.13	Vũ Văn Huyền		0		Anh ruột
4.14	Nguyễn Hữu Kình		0		Bố vợ
4.15	Vũ Thị Lự		0		Mẹ vợ
4.16	Phạm Văn Ngọc		0		Anh rể
4.17	Nguyễn Văn Dương		0		Anh rể
4.18	Vũ Thị Liên		0		Chị dâu
4.19	Phạm Thị Lương		0		Chị dâu
4.20	Lê Thị Hiên		0		Chị dâu
4.21	Trần Thị Lương		0		Chị dâu

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5	**Đỗ Văn Kiên**	**Phó Giám đốc**	**0**		
5.1	Hà Thị Nga		0		Vợ
5.2	Đỗ Việt Dũng		0		Con đẻ
5.3	Đỗ Việt Hùng		0		Con đẻ
5.4	Đỗ Văn Chiến		0		Bố đẻ
5.5	Vũ Thị Thuận		0		Mẹ đẻ
5.6	Đỗ Văn Khanh		0		Anh ruột
5.7	Đỗ Văn Tân		0		Em ruột
5.8	Đỗ Hồng Quyết		0		Em ruột
5.9	Đỗ Trường Phi		0		Em ruột
5.10	Hà Quang Vương		0		Bố vợ
5.11	Nguyễn Thị Ngọc		0		Mẹ vợ
5.12	Lương Thùy Vân		0		Chị dâu
5.13	Vũ Thị Nhật Hà		0		Em dâu
5.14	Vũ Thị Thoa		0		Em dâu
5.15	Hoàng Thùy Sâm		0		Em dâu
IV					Kế toán trưởng
1	**Đinh Văn Chiến**	**Kế toán trưởng Cty**	**51.700**	**0,1207%**	
1.1	Nguyễn Thị Hậu		0		Vợ
1.2	Đinh Linh Chi		0		Con ruột

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.3	Đinh Phương An		0		Con ruột
1.4	Trịnh Thị Thanh		0		Mẹ đẻ
1.5	Đinh Văn Tuấn		0		Anh ruột
1.6	Đinh Thị Thoan		0		Em ruột
1.7	Đinh Xuân Thu		0		Em ruột
1.8	Nguyễn Thị Huệ		0		Chị dâu
1.9	Nguyễn Văn Bình		0		Em rể
1.10	Nguyễn Thị Kim Dung		0		Em dâu
1.11	Nguyễn Hữu Tương		0		Bố vợ
1.12	Nguyễn Thị Bích		0		Chị vợ
1.13	Nguyễn Hữu Lâm		0		Anh vợ
1.14	Nguyễn Thị Liên		0		Chị vợ
V	Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty				
1	**Doãn Mạnh Hà**	**Thư ký Công ty**	**2.953**	**0,0069%**	
1.1	Lương Thị Chung		0		Vợ
1.2	Doãn Minh Quang		0		Contrai
1.3	Doãn Minh Giang		0		Con gái
1.4	Doãn Bình Minh		0		Anh trai
1.5	Doãn Thanh Mai		0		Chị gái
1.6	Doãn Hồng Mây		0		Em trai
2	**Phạm Phú Mỹ**	**Người Phụ trách QTCT**	**92**	0,00021%	
2.1	Phạm Thị Hạnh		84	0,00020%	Vợ
2.2	Phạm Thị Mỹ Linh		0		Con đẻ

TT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.3	Phạm Phú Tuấn Minh		0		Con đẻ
2.4	Lâm Ngọc Sơn		0		Con rể
2.7	Phạm Văn Kiểm		0		Bố vợ
2.8	Lê Thị Ngọ		0		Mẹ vợ
2.9	Phạm Phú Mong		0		Anh trai
2.10	Nguyễn thị Xuyến		0		Chị dâu
2.12	Nguyễn thị Miến		0		Chị dâu
2.13	Phạm Thị Hợi		0		Em gái
2.14	Nguyễn Quang Bình		0		Em rể
VI	**Tập Đoàn TKV**	**Công ty mẹ**	**27.909.807**	**65,14%**	

(Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông ngày 26/03/2021)

7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

- Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.
- Trong năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/08/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020, các bên sau đây được nhận biết là liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	%Sở hữu
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	65,14%
Các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn	Hà Nội, Quảng Ninh và một số tỉnh thành phố	Cùng Tập đoàn	

- Thu nhập trong năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/08/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020 của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

	Từ 05/08/2020 đến 31/12/2020

	(VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.321.464.154
Thù lao của Hội đồng Quản trị	224.170.622
Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát	110.500.000
Tổng cộng	**1.656.134.776**

- Giao dịch với các bên có liên quan trong năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/08/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020, được thể hiện tại các phụ biểu trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính kiểm toán cho giai đoạn 05/08/2020 đến 31/12/2020 (từ trang 42 đến trang 50) của Công ty:
  - Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư, hàng hóa và dịch vụ bán trong nội bộ Tập đoàn
    Tổng giá trị: 3.137.460.352.392 đồng
  - Phụ biểu 02: Bảng kê vật tư, hàng hóa và dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn
    Tổng giá trị: 834.693.833.851 đồng
  - Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn
    Tổng Phải thu (131): 1.433.741.351.856 đồng
    Tổng Phải thu (138): 1.072.874.260 đồng
    Tổng phải trả (331): 375.108.238.736 đồng
  - Phụ biểu 04: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị
    Tổng giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách của Tài sản: 3.748.039.676 đồng

III. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục 2: Điều lệ công ty;

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của CTCP Than Cao Sơn – TKV;

IV. CAM KẾT

Các thông tin trên do Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản tóm tắt thông tin này.

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN – TKV

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN KHẨN	PHẠM THÀNH ĐÔNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
NGUYỄN THỊ LỊCH	ĐINH VĂN CHIẾN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮ ĐÌNH HÒA